

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT VĨNH PHÚC

CHI CỤC QLCL NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN



## PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ

Loại hồ sơ: BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Cơ sở tự công bố sản phẩm: CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO

Loại sản phẩm: Phấn Hoa Tam Đảo

Người nộp hồ sơ: Nguyễn Thị Huệ

Địa chỉ: Hương Lộ, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc

Điện thoại: 0211 3871 369

Hồ sơ gồm có:

- Bản tự công bố sản phẩm
- Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến
- Bản tiêu chuẩn sản phẩm
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm

Ngày nhận: 16/09/2019

**Ghi chú:** Hồ sơ tự công bố được đăng tải trên cổng thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và PTNT Vĩnh Phúc. Địa chỉ truy cập: [snnptnt.vinhphuc.gov.vn](http://snnptnt.vinhphuc.gov.vn)

Người nộp

Nguyễn Thị Huệ

Người nhận

Nguyễn Tự Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 25/HONECO/2019

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân:

Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo

Địa chỉ: Hương Lộc, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.

Điện thoại: 0211. 3871. 369

Mã số doanh nghiệp: 2500214564

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Phấn hoa Tam Đảo**

2. Thành phần: Phấn hoa tự nhiên 100%

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 02 năm kể từ ngày sản xuất (*Ngày sản xuất, hạn sử dụng được in trên nắp hoặc trên nhãn sản phẩm.*)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hũ thủy tinh hoặc hũ nhựa, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

Quy cách đóng gói: 100g, 120g, 250 g, 300g, 450 g, 500 g, 600 g, 1000 g...hoặc các bao bì khác theo yêu cầu khách hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

Sử dụng thùng carton để đựng sản phẩm và vận chuyển

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại nhà máy: Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo

Địa chỉ: Hương Lộc, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm**

-Nhãn dự kiến: Đính kèm hồ sơ

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

- Các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo các tiêu chuẩn : TCVN 5375:1991, QCVN 8-2:2011/BYT, QĐ số 46/2007/BYT, TCCS số 02/2019/TCCS-HONECO

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 25/2019, ngày 15 tháng 9 năm 2019 (có bản tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 9 năm 2019

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lê Thị Nga*



#### Thành phần /Ingredients

- Phấn hoa tự nhiên 100%
- 100% Natural pollen

#### Hướng dẫn sử dụng /Instructions for use

- Mỗi lần lấy 2-3 thìa (6 - 9 gram) phấn hoa pha với 50 ml nước nóng 80°C, chế thêm nước người và mật ong cho vừa uống.
- Ngày dùng 2 lần trước bữa ăn sáng và tối trước khi đi ngủ.
- Trộn với cháo cho trẻ em sau khi đã nấu chín còn nóng.
- Dùng cho người kém ăn, mất ngủ, người bị tổn thương đường tiêu hóa.

- Each time take 2-3 tablespoons (6 - 9 grams) of pollen mixed with 50 ml of hot water 80°C, add cold water and honey to make it easy to drink.
- Use twice daily before breakfast and at bedtime.
- Mix with the child's porridge while still hot.
- Used for people with poor appetite, insomnia, people with gastrointestinal damage.
- Mix with the child's porridge while still hot.
- Used for people with poor appetite, insomnia, people with gastrointestinal damage.

# Phấn Hoa TAM ĐẢO

TAM DAO POLLEN



*Tinh túy từ thiên nhiên*

**Khối lượng tịnh: 230 g**

#### Bảo quản /Preservation

- Sau khi mở nắp bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh, nên dùng trong 60 ngày.
- After opening the lid, Store in refrigerator cooler, should be used for 60 days.

#### Cảnh báo an toàn thực phẩm /Warnings

- Người có tiền sử dị ứng với phấn hoa thì không nên dùng.
- Who's allergic to pollen Should not use it

#### Sản xuất tại nhà máy

#### CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO

Đ/c: Hưởng Lộc, Đảo Đức,

Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.

W: ongtamdao.vn/honeco.com

Số CB /number announced:

23/HONECO/2019



**Xuất xứ: Việt Nam** Made in Vietnam





## PHẤN HOA TAM ĐẢO

**THÀNH PHẦN** Phấn hoa tự nhiên 100%

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG** Mỗi lần lấy 2-3 thìa (6 - 9 gam) phấn hoa pha với 50 ml nước nóng 80°C, chế thêm nước nguội và mật ong cho vừa uống. Ngày dùng 2 lần trước bữa ăn sáng và tối trước khi đi ngủ. Trộn với cháo cho trẻ em sau khi đã nấu chín còn nóng. Dùng cho người kém ăn, mất ngủ, người bị tổn thương đường tiêu hóa.



**BẢO QUẢN** Sau khi mở nắp, bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh, nên dùng trong 60 ngày

**CẢNH BÁO** Người có tiền sử dị ứng với phấn hoa thì không nên dùng.

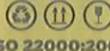
NGÀY SX VÀ HSD IN TRÊN NẮP CHAI

Khối lượng tịnh: **V 300 g**

Số CB 25/HONECO/2019



MADE IN VIETNAM



ISO 22000:2005



8 935120 905299

Sản xuất tại nhà máy: **CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO**  
Hương Lộc, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc  
ongtamdao.vn/honeco.com  
0967 350 808  
ongtamdao@honeco.com | matongtamdao



**BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM**

1. Sản phẩm: **Phần hoa Tam Đảo**
2. Sản xuất tại nhà máy :  
 Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo  
 Địa chỉ: Hương Lộc, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.
3. Trạng thái sản phẩm:  
 Dạng bào chế: dạng viên nhỏ  
 Màu sắc: Màu vàng đến màu nâu, màu đỏ, màu trắng
4. Thành phần cấu tạo: Phần hoa tự nhiên 100%
5. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: TCCS số 02/2019/TCCS-HONECO

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	%	≤ 12
2	Hàm lượng đường khử	g/100g	≤ 40

**6. Giới hạn an toàn của sản phẩm**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định	Mức công bố
1	TSVKHK	CFU/g	TCVN: 5375:1991	≤ 15.000
2	E.Coli	CFU/g	TCVN: 5375:1991	0
3	Vi khuẩn kỵ khí sinh H <sub>2</sub> S	CFU/g	TCVN: 5375:1991	0
4	Salmonella	CFU/25g	TCVN: 5375:1991	0
5	S.aureus	CFU/g	TCVN: 5375:1991	0
6	Nấm mốc	CFU/g	TCVN: 5375:1991	≤ 100
7	Nấm men	CFU/g	TCVN: 5375:1991	≤ 1000
8	Arsen (As)	ppm	QCVN 8-2:2011/BYT	≤ 1
9	Thủy ngân (Hg)	ppm	QCVN 8-2:2011/BYT	≤ 0,05
10	Chì (Pb)	ppm	QCVN 8-2:2011/BYT	≤ 2
11	Cadimi (Cd)	ppm	QCVN 8-2:2011/BYT	≤ 1
12	Aflatoxin B <sub>1</sub>	µg/kg	Số 46/2007/QĐ-BYT	≤ 5
13	Aflatoxin B <sub>1</sub> B <sub>2</sub> G <sub>1</sub> G <sub>2</sub>	µg/kg	Số 46/2007/QĐ-BYT	≤ 15

7. Hướng dẫn sử dụng:

Mỗi lần lấy 2-3 thìa (6 – 9 gam) phần hoa pha với 50 ml nước nóng 80oc, chế thêm nước nguội và mật ong cho vừa uống.

Ngày dùng 2 lần trước bữa ăn sáng và tối trước khi đi ngủ.

Trộn với cháo cho trẻ em sau khi đã nấu chín còn nóng.

Dùng cho người kém ăn, mất ngủ, người bị tổn thương đường tiêu hóa.

8. Cảnh báo:

Người có tiền sử dị ứng với phần hoa thì không nên dùng.

9. Chất liệu bao bì, quy cách đóng gói:

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hũ thủy tinh hoặc hũ nhựa, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

Quy cách đóng gói: 100g, 120g, 250 g, 300g, 450 g, 500 g, 600 g, 1000 g...hoặc các bao bì khác theo yêu cầu khách hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

Sử dụng thùng carton để đựng sản phẩm và vận chuyển

10. Thời hạn sử dụng: 02 năm kể từ ngày sản xuất ( ngày sản xuất, hạn sử dụng in trên nắp hoặc trên nhãn sản phẩm.)

11. Hướng dẫn bảo quản:

Sau khi mở nắp bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh, nên dùng trong 60 ngày.

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 9 năm 2019

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BAN HÀNH KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU**



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Thị Nga*



SỞ Y TẾ VINH PHÚC  
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM  
THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM

37 Chu Văn An - Liên Bảo - Vinh Yên - Vinh Phúc  
ĐT/Fax: 0211.3861 376



PHIẾU PHÂN TÍCH

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử)

Số : 209

Mẫu kiểm nghiệm: PHẤN HOA TAM ĐẢO

Số đăng kí: Không có

Nơi sản xuất: Công ty CP Ong Tam Đảo

Số kiểm soát : Không có

Hạn dùng: Không có

Nơi gửi mẫu: Công ty CP Ong Tam Đảo - Km 19 Quốc lộ 2 - Xã Đạo Đức - Bình Xuyên - T. Vinh Phúc

Người gửi mẫu: Nguyễn Thị Huệ

Ngày nhận mẫu: 16/8/2019

Số đăng kí KN:

19MGTP 209

Yêu cầu KN: Kiểm tra chất lượng

Tiêu chuẩn:

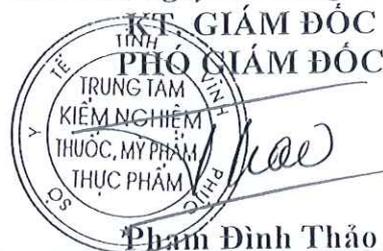
Tình trạng mẫu khi nhận: Mẫu kiểm nghiệm đựng trong lọ thủy tinh đậy nắp kín.

Kết quả kiểm nghiệm:

1. Chỉ tiêu Hóa lý:				
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1.1**	Cadimi	ppm	TQKT	0,069
1.2*	Hàm lượng Aflatoxin B <sub>1</sub>	µg/kg	Viện KN ATVSTP Quốc gia	KPH (LOD: 0,5µg/kg)
1.3*	Hàm lượng Aflatoxin B <sub>1</sub> , B <sub>2</sub> , G <sub>1</sub> , G <sub>2</sub>	µg/kg	Viện KN ATVSTP Quốc gia	KPH (LOD: 0,5µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử - LOD).

Vinh Phúc, ngày 23 tháng 8 năm 2019



Ghi chú:- Tên mẫu, nơi sản xuất và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm và kết luận ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới
- Các bản trích, sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm kiểm nghiệm Vinh Phúc
- Chỉ tiêu đánh dấu \* là chỉ tiêu được thực hiện bởi Nhà thầu phụ
- Chỉ tiêu đánh dấu \*\* là chỉ tiêu chưa được công nhận VILAS

Mã số mẫu / Sample ID: 1903902-01

BN: 190329019

Trang / Page: 2 / 3

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
ANALYTICAL RESULTS



Khách hàng / Client : CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO

Địa chỉ / Address : Thôn Hương Lộc, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Tên mẫu / Sample name : Phấn hoa

Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong hũ nhựa

Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm

Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 29/ 03/ 2019

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 05/ 04/ 2019

Chỉ tiêu phân tích Test Parameter(s)	Kết quả Result	LOD	Đơn vị Unit	Phương pháp Method
Asen tổng (As)	KPH	0.05	mg/kg	HD.TN.062 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Thủy ngân (Hg)	KPH	0.05	mg/kg	HD.TN.062 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Chì (Pb)	KPH	0.05	mg/kg	HD.TN.062 (Ref. AOAC 2015.01 (ICP/MS)) (*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(\*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2005) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS).

(i) Phương pháp được Cục An Toàn Thực Phẩm (Bộ Y Tế) chỉ định. / The method is accredited by Vietnam Food Administration (Ministry of Health).

(ii) Phương pháp được Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản (NAFIQAD) chỉ định. / The method is accredited by National Agro - Forestry - Fisheries

Quality Assurance Department (NAFIQAD).

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (<10 CFU/g), nhỏ hơn 3 MPN/g (<3 MPN/g) khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa /

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g (<10 CFU/g), less than 3MPN/g (<3 MPN/g) when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thí nghiệm  
Officer in charge of laboratory

MS. Trinh Thi Minh Nguyet

Stamp: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HOÀN VŨ  
MỘT THÀNH VIÊN  
QU. PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH  
S.D.N: 0304932124 - C  
Giám đốc  
Director  
MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.  
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty / The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.



Mã số mẫu / Sample ID: 1903902-01

BN: 190329019

Trang / Page: 1 / 3

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**ANALYTICAL RESULTS**

Khách hàng / Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO**

Địa chỉ / Address : Thôn Hương Lộc, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Tên mẫu / Sample name : **Phấn hoa**

Mô tả mẫu / Sample description : **Mẫu đựng trong hũ nhựa**

Nền mẫu / Matrix : **Thực phẩm**

Ngày nhận mẫu / Date of sample received : **29/ 03/ 2019**

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : **05/ 04/ 2019**

Chỉ tiêu phân tích Test Parameter(s)	Kết quả Result	LOD	Đơn vị Unit	Phương pháp Method
Độ ẩm (Moisture)	4.88		g/100g	HD.TN.047( Ref. AOAC 934.06) (*)
Đường khử (Reducing sugar)	39.6		g/100g	HD.TN.061 (EC 152-2009 & TCVN 4594:1988) (*)

**Ghi chú / Note:**

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(\*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2005) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS).

(i) Phương pháp được Cục An Toàn Thực Phẩm (Bộ Y Tế) chỉ định. / The method is accredited by Vietnam Food Administration (Ministry of Health).

(ii) Phương pháp được Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản (NAFIQAD) chỉ định. / The method is accredited by National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department (NAFIQAD).

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (<10 CFU/g), nhỏ hơn 3 MPN/g (<3 MPN/g) khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa / According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g (<10 CFU/g), less than 3MPN/g (<3 MPN/g) when the dish contains no colony.

**Phụ trách phòng thí nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

**MS. Trịnh Thị Minh Nguyệt**

**Giám đốc**  
Director  
**MBA. Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.  
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty / The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.



Mã số mẫu / Sample ID: 1903902-01

BN: 190329019

Trang / Page: 3 / 3

## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS

Khách hàng / Client : CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO

Địa chỉ / Address : Thôn Hương Lộc, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Tên mẫu / Sample name : Phấn hoa

Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong hũ nhựa

Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm

Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 29/ 03/ 2019

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 05/ 04/ 2019

Chỉ tiêu phân tích Test Parameter(s)	Kết quả Result	LOD	Đơn vị Unit	Phương pháp Method
<i>Escherichia coli</i>	<10		CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) (*)
<i>Staphylococcus aureus</i>	<10		CFU/g	Ref. AOAC 975.55
Vi khuẩn kỵ khí khử sulfite	<10		CFU/g	TCVN 7902:2008 (ISO 15213:2003)
Tổng số nấm mốc	4.2x10 <sup>2</sup>		CFU/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (*)
Tổng số nấm men	<10		CFU/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (*)
Tổng số VSV hiếu khí	5.2x10 <sup>2</sup>		CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013) (*)
<i>Salmonella</i> spp.	Âm tính		/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017) (*)

**Ghi chú / Note:**

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(\*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2005) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS).

(i) Phương pháp được Cục An Toàn Thực Phẩm (Bộ Y Tế) chỉ định. / The method is accredited by Vietnam Food Administration (Ministry of Health).

(ii) Phương pháp được Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản (NAFIQAD) chỉ định. / The method is accredited by National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department (NAFIQAD).

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (<10 CFU/g), nhỏ hơn 3 MPN/g (<3 MPN/g) khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa / According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g (<10 CFU/g), less than 3MPN/g (<3 MPN/g) when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thí nghiệm  
Officer in charge of laboratory

MS. Trinh Thị Minh Nguyệt

Giám đốc  
Director

MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.  
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty / The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.